

Số: 15 /TB-HĐ

Bình Chánh, ngày 19 tháng 01 năm 2023

### THÔNG BÁO

#### Kết quả xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối THCS, năm học 2022 – 2023, đợt 2 (vòng 2)

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về công nhận kết quả xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối THCS năm học 2022 – 2023 (đợt 2);

Nay, Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo ngành giáo dục và đào tạo khối THCS, năm học 2022 – 2023 (đợt 2), thông báo như sau:

1. Kết quả xét tuyển đối với 139 người, cụ thể như sau:

- Thí sinh trúng tuyển: 59 người;
- Thí sinh không trúng tuyển: 80 người.

(Đính kèm danh sách chi tiết)

2. Đề nghị thí sinh trúng tuyển đến đơn vị trúng tuyển để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối THCS, năm học 2022 – 2023, đợt 2 thông báo đến thí sinh được biết và thực hiện các thủ tục tuyển dụng theo quy định. /

#### Nơi nhận:

- TTUB;
- Thành viên HDXTVC;
- Ban Kiểm tra, sát hạch;
- Thí sinh dự xét tuyển;
- P.NV, P.GDDT;
- Cổng thông tin điện tử Huyện;
- Cổng thông tin PGDDT;
- CVP, PCVP;
- Lưu VT-TH, PNV.L.

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN  
Phan Thị Cẩm Nhung



**THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)**  
(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 19 tháng 04 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)

| Stt | Họ và tên thí sinh | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành      | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                 | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            |                         | Điểm xét tuyển |                       |           | Kết quả                 |
|-----|--------------------|------------|------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|----------------|-----------------------|-----------|-------------------------|
|     |                    | Nam        | Nữ         |                     |                   |                    |                  |                                                                                | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Điểm xét tuyển | Điểm ưu tiên (nếu có) | Tổng điểm |                         |
| 1   | Mai Nam Việt       | 12/10/1998 |            | Cử nhân             | Giáo dục thể chất |                    |                  |                                                                                | Giáo viên môn thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | 90             | 0                     | 90        | Trúng tuyển             |
| 2   | Nguyễn Văn Quang   | 16/04/1993 |            | Cử nhân             | Giáo dục thể chất |                    |                  |                                                                                | Giáo viên môn thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | 65             | 0                     | 65        | Không trúng tuyển       |
| 3   | Phan Đào Thanh Tỳ  | 05/09/1997 |            | Cử nhân             | Giáo dục thể chất |                    |                  |                                                                                | Giáo viên môn thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Vắng           | 0                     | Vắng      | Vắng, không trúng tuyển |
| 4   | Huỳnh Quốc Cường   | 27/05/1997 |            | Cử nhân             | Giáo dục thể chất |                    |                  |                                                                                | Giáo viên môn thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Vắng           | 0                     | Vắng      | Vắng, không trúng tuyển |
| 5   | Nguyễn Minh Nhựt   | 09/11/1999 |            | Cử nhân             | Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Khoa học tự nhiên cấp THCS | Giáo viên môn hóa học                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | 90             | 0                     | 90        | Trúng tuyển             |
| 6   | Lê Mỹ Lam Thuyền   |            | 27/07/1996 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học   |                    |                  |                                                                                | Giáo viên môn hóa học                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Vắng           | 0                     | Vắng      | Vắng, không trúng tuyển |

|    |                      |            |            |           |                   |  |  |  |                       |                         |            |                        |      |   |      |                         |
|----|----------------------|------------|------------|-----------|-------------------|--|--|--|-----------------------|-------------------------|------------|------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 7  | Hoàng Thị Tâm        |            | 25/10/1989 | Cử nhân   | Sư phạm Hóa học   |  |  |  | Giáo viên môn hóa học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước   | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 8  | Phạm Thị Hồng Tuyền  |            | 14/09/1999 | Cử nhân   | Sư phạm Hóa học   |  |  |  | Giáo viên môn hóa học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước   | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 9  | Huỳnh Thị Bích Thảo  |            | 04/08/1993 | Cử nhân   | Sư phạm Toán học  |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước   | 80   | 0 | 80   | Trúng tuyển             |
| 10 | Trần Thị Mai Linh    |            | 13/01/2000 | Cử nhân   | Sư phạm Toán học  |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước   | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 11 | Nguyễn Thị Thu Linh  |            | 02/07/1995 | Trung cấp | Văn thư - Lưu trữ |  |  |  | Nhân viên văn thư     | Văn thư viên trung cấp  | 02.008     | Trường THCS Đa Phước   | 48   | 0 | 48   | Không trúng tuyển       |
| 12 | Huỳnh Thị Bích Thảo  |            | 04/08/1993 | Cử nhân   | Sư phạm Toán học  |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 13 | Phạm Thành Trung     | 01/04/1995 |            | Cử nhân   | Sư phạm Toán học  |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 14 | Trần Thị Lâm         |            | 12/01/1998 | Cử nhân   | Sư phạm Toán học  |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 15 | Trần Phạm Thanh Nhân | 07/08/1986 |            | Cử nhân   | Sư phạm Toán học  |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh | 49   | 0 | 49   | Không trúng tuyển       |
| 16 | Đỗ Ngọc Quân Thụy    |            | 31/08/1998 | Cử nhân   | Sư phạm Vật lý    |  |  |  | Giáo viên môn Vật lý  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh | 90   | 0 | 90   | Trúng tuyển             |
| 17 | Trần Đình Thiện      | 20/01/1982 |            | Cử nhân   | Sư phạm Vật lý    |  |  |  | Giáo viên môn Vật lý  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 18 | Hoàng Thị Tâm        |            | 25/10/1989 | Cử nhân   | Sư phạm Hóa học   |  |  |  | Giáo viên môn Hóa học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |

|    |                      |            |            |         |                    |  |  |                                                                        |                                 |                         |            |                             |      |   |      |                         |
|----|----------------------|------------|------------|---------|--------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|------------|-----------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 19 | Nguyễn Thị Hồng Như  |            | 16/10/1995 | Cử nhân | Sư phạm Hóa học    |  |  |                                                                        | Giáo viên môn Hóa học           | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh      | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 20 | Trần Thành Nhân      | 05/12/1995 |            | Cử nhân | Sư phạm vật lý     |  |  |                                                                        | Giáo viên dạy môn Vật lý        | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | 49   | 0 | 49   | Không trúng tuyển       |
| 21 | Trần Đình Thiện      | 20/01/1982 |            | Đại học | Sư phạm vật lý     |  |  |                                                                        | Giáo viên dạy môn Vật lý        | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | 67   | 0 | 67   | Không trúng tuyển       |
| 22 | Trần Phương Thảo     |            | 14/04/1995 | Cử nhân | Sư phạm vật lý     |  |  |                                                                        | Giáo viên dạy môn Vật lý        | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | 80   | 0 | 80   | Trúng tuyển             |
| 23 | Lâm Thanh Ngọc       |            | 09/03/1994 | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh  |  |  |                                                                        | Giáo viên dạy Tiếng Anh         | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú       | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 24 | Phùng Thanh Thơm     | 16/09/1993 |            | Đại học | Ngôn ngữ Anh       |  |  | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng anh cấp THCS | Giáo viên dạy Tiếng Anh         | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú       | 79   | 0 | 79   | Trúng tuyển             |
| 25 | Bạch Thị Kim Loan    |            | 15/05/1988 | Cử nhân | Sư phạm Địa lý     |  |  |                                                                        | Giáo viên dạy Địa lý            | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú       | 70   | 0 | 70   | Trúng tuyển             |
| 26 | Huỳnh Thị Kim Quyên  |            | 16/11/1994 | Cử nhân | Sư phạm Địa lý     |  |  |                                                                        | Giáo viên dạy Địa lý            | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú       | 48   | 0 | 48   | không trúng tuyển       |
| 27 | Nguyễn Thị Kim Loan  |            | 01/01/1999 | Cử nhân | Giáo dục Chính trị |  |  |                                                                        | Giáo viên môn Giáo dục công dân | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức         | 68   | 0 | 68   | Trúng tuyển             |
| 28 | Quách Hoàng Phi Long | 31/10/2000 |            | Cử nhân | Giáo dục Thể chất  |  |  |                                                                        | Giáo viên môn Thể dục           | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức         | 63   | 0 | 63   | Trúng tuyển             |
| 29 | Huỳnh Quốc Cường     | 27/05/1997 |            | Cử nhân | Giáo dục Thể chất  |  |  |                                                                        | Giáo viên môn Thể dục           | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức         | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |

|    |                        |            |            |           |                  |  |  |  |                        |                         |            |                         |      |   |      |                         |
|----|------------------------|------------|------------|-----------|------------------|--|--|--|------------------------|-------------------------|------------|-------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 30 | Dương Thị Đào          |            | 13/08/1996 | Cử nhân   | Sư phạm Sinh học |  |  |  | Giáo viên môn Sinh học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | 74   | 0 | 74   | Trúng tuyển             |
| 31 | Lê Thị Bé Hường        |            | 25/06/1986 | Cử nhân   | Kế toán          |  |  |  | Nhân viên kế toán      | Kế toán viên trung cấp  | 06.032     | Trường THCS Qui Đức     | 75   | 0 | 75   | Trúng tuyển             |
| 32 | Trương Kim Thành       | 04/11/2000 |            | Cử nhân   | Sư phạm Toán học |  |  |  | Giáo viên môn Toán     | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | 81   | 5 | 86   | Trúng tuyển             |
| 33 | Ngô Ngọc Thuận         | 11/02/2000 |            | Cử nhân   | Sư phạm Toán học |  |  |  | Giáo viên môn Toán     | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 34 | Lâm Thị Thu Nguyệt     |            | 21/02/1986 | Cử nhân   | Sư phạm Toán học |  |  |  | Giáo viên môn Toán     | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 35 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền |            | 01/04/1995 | Cử nhân   | Sư phạm Ngữ văn  |  |  |  | Giáo viên môn Ngữ văn  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | 86   | 0 | 86   | Trúng tuyển             |
| 36 | Trình Ngọc Bình        |            | 23/07/1999 | Cử nhân   | Sư phạm Tin học  |  |  |  | Giáo viên môn Tin học  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | 81   | 0 | 81   | Trúng tuyển             |
| 37 | Đặng Thị Thanh Mai     |            | 06/04/1999 | Cử nhân   | Sư phạm Tin học  |  |  |  | Giáo viên môn Tin học  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | 49   | 0 | 49   | Không trúng tuyển       |
| 38 | Hồ Thị Kim Xuyên       |            | 25/10/1988 | Trung cấp | Y sỹ             |  |  |  | Nhân viên Y tế         | Y sỹ hạng IV            | V.08.03.07 | Trường THCS Tân Kiên    | 78.5 | 0 | 78.5 | Trúng tuyển             |
| 39 | Nguyễn Ngọc Anh Thư    |            | 10/05/1997 | Cử nhân   | Sư phạm Toán học |  |  |  | Giáo viên môn Toán     | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | 60   | 0 | 60   | Trúng tuyển             |
| 40 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền |            | 01/04/1995 | Cử nhân   | Sư phạm Ngữ văn  |  |  |  | Giáo viên môn Ngữ văn  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | 74   | 0 | 74   | Trúng tuyển             |
| 41 | Ngô Ngọc Thuận         | 11/02/2000 |            | Cử nhân   | Sư phạm Toán     |  |  |  | Giáo viên Toán         | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | 88.5 | 0 | 88.5 | Trúng tuyển             |

|    |                      |            |            |                         |                               |                       |                      |  |                                 |                                 |            |                         |      |   |      |                         |
|----|----------------------|------------|------------|-------------------------|-------------------------------|-----------------------|----------------------|--|---------------------------------|---------------------------------|------------|-------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 42 | Trương Quốc Tuấn     | 02/02/1987 |            | Cử nhân                 | Sư phạm Ngữ văn               |                       |                      |  | Giáo viên Ngữ văn               | Giáo viên THCS hạng III         | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng | 0 | 0    | Vắng, không trúng tuyển |
| 43 | Đoàn An Trường Khang | 13/5/2000  |            | Cử nhân                 | Sư phạm Lịch sử               |                       |                      |  | Giáo viên Lịch sử               | Giáo viên THCS hạng III         | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | 73   | 0 | 73   | Trúng tuyển             |
| 44 | Đoàn Thị Kim Hoa     |            | 27/11/1997 | Trung cấp chuyên nghiệp | Tin học                       |                       |                      |  | Nhân viên Công nghệ thông tin   | Nhân viên                       | 01.005     | Trường THCS Tân Quý Tây | 60   | 0 | 60   | Trúng tuyển             |
| 45 | Hoàng Thị Tâm        |            | 25/10/1989 | Cử nhân                 | Sư phạm Hóa học               |                       |                      |  | Giáo viên dạy Hóa học           | Giáo viên THCS hạng III         | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | 54   | 0 | 54   | Không trúng tuyển       |
| 46 | Nguyễn Thị Hồng Như  |            | 16/10/1995 | Cử nhân                 | Sư phạm Hóa học               |                       |                      |  | Giáo viên dạy Hóa học           | Giáo viên THCS hạng III         | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | 79   | 0 | 79   | Trúng tuyển             |
| 47 | Đinh Văn Tự          | 25/10/1994 |            | Cử nhân                 | Sư phạm Hóa học               |                       |                      |  | Giáo viên dạy Hóa học           | Giáo viên THCS hạng III         | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | 54.5 | 0 | 54.5 | Không trúng tuyển       |
| 48 | Lê Kim Khoa          |            | 16/08/1978 | Trung cấp               | Y sĩ                          |                       |                      |  | Nhân viên Y tế                  | Y sĩ hạng IV                    | V.08.03.07 | Trường THCS Tân Túc     | 87.5 | 0 | 87.5 | Trúng tuyển             |
| 49 | Bùi Thị Thu Thủy     |            | 06/11/1976 | Cử nhân                 | Sư phạm Ngữ văn               |                       |                      |  | Giáo viên Ngữ văn               | Giáo viên THCS hạng III         | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | 50   | 0 | 50   | Trúng tuyển             |
| 50 | Phạm Hữu Hưng        | 20/10/1992 |            | Trung cấp               | Công nghệ thông tin           |                       |                      |  | Nhân viên Công nghệ thông tin   | Nhân viên Công nghệ thông tin   | 01.005     | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | 84   | 0 | 84   | Trúng tuyển             |
| 51 | Nguyễn Thị Thu Hương |            | 19/06/1989 | Cao đẳng                | Công nghệ Thiết bị trường học | Tiếng Anh trình độ A2 | Ứng dụng CNTT cơ bản |  | Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm | Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm | V.07.07.20 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | 63   | 0 | 63   | Trúng tuyển             |
| 52 | Trịnh Thị Hồng       |            | 13/03/1998 | Trung cấp               | Kế toán doanh nghiệp          |                       |                      |  | Nhân viên thủ quỹ               | Nhân viên thủ quỹ               | 01.005     | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | 57   | 0 | 57   | Trúng tuyển             |
| 53 | Nguyễn Hữu Phong     | 22/05/1982 |            | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học              |                       |                      |  | Giáo viên dạy môn Toán          | Giáo viên THCS Hạng III         | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | 82.7 | 0 | 82.7 | Trúng tuyển             |

|    |                       |            |            |          |                                                             |  |  |  |                             |                         |            |                        |      |      |      |                         |
|----|-----------------------|------------|------------|----------|-------------------------------------------------------------|--|--|--|-----------------------------|-------------------------|------------|------------------------|------|------|------|-------------------------|
| 54 | Nguyễn Thị Mai        |            | 27/12/1997 | Cử nhân  | Sư Phạm Toán học                                            |  |  |  | Giáo viên dạy môn Toán      | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 77.3 | 0    | 77.3 | Không trúng tuyển       |
| 55 | Phạm Văn Hiếu         | 10/09/1990 |            | Cử nhân  | Sư Phạm Toán học                                            |  |  |  | Giáo viên dạy môn Toán      | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | Vắng | Vắng | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 56 | Tăng Thị Thu Thanh    |            | 06/03/1993 | Thạc sĩ  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán.<br>Sư phạm Toán |  |  |  | Giáo viên dạy môn Toán      | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 75   | 0    | 75   | Không trúng tuyển       |
| 57 | Trần Thị Thủy Dung    |            | 20/08/1997 | Cử nhân  | Sư phạm Tiếng Anh                                           |  |  |  | Giáo viên dạy môn Tiếng Anh | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 61   | 0    | 61   | Trúng tuyển             |
| 58 | Nguyễn Thủy Dung      |            | 24/08/1999 | Cử nhân  | Sư phạm Ngữ văn                                             |  |  |  | Giáo viên dạy môn Ngữ văn   | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 39.5 | 0    | 39.5 | Không trúng tuyển       |
| 59 | Trần Thị Hiền Vy      |            | 17/12/1994 | Cử nhân  | Sư phạm Ngữ văn                                             |  |  |  | Giáo viên dạy môn Ngữ văn   | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 83   | 0    | 83   | Trúng tuyển             |
| 60 | Trương Quang Hoàng    | 15/05/1981 |            | Cử nhân  | Sư phạm Địa lý                                              |  |  |  | Giáo viên dạy môn Địa lý    | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 88   | 0    | 88   | Trúng tuyển             |
| 61 | Huỳnh Thị Nguyên Thảo |            | 11/08/1990 | Cử nhân  | Sư phạm Địa lý                                              |  |  |  | Giáo viên dạy môn Địa lý    | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 77.5 | 0    | 77.5 | Trúng tuyển             |
| 62 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết  |            | 12/04/1984 | Cử nhân  | Sư phạm Lịch sử                                             |  |  |  | Giáo viên dạy môn Lịch sử   | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 46.5 | 0    | 46.5 | Không trúng tuyển       |
| 63 | Phạm Ngọc Diễm        |            | 01/06/1994 | Cử nhân  | Sư phạm Lịch sử                                             |  |  |  | Giáo viên dạy môn Lịch sử   | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | Vắng | Vắng | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 64 | Lê Phương Quỳnh       |            | 19/04/1984 | Đại học  | Lịch sử                                                     |  |  |  | Giáo viên dạy môn Lịch sử   | Giáo viên THCS Hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B | Vắng | 5    | 5    | Vắng, không trúng tuyển |
| 65 | Phan Thanh Xuân       |            | 24/01/1986 | Cao đẳng | Kế toán                                                     |  |  |  | Nhân viên kế toán           | Kế toán viên trung cấp  | 06.032     | Trường THCS Vĩnh Lộc B | 85.5 | 0    | 85.5 | Trúng tuyển             |

|    |                      |            |            |                         |                     |  |  |                                                          |                       |                         |            |                        |      |   |      |                         |
|----|----------------------|------------|------------|-------------------------|---------------------|--|--|----------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 66 | Nguyễn Thị Kim Anh   |            | 08/01/1990 | Cử nhân                 | Công nghệ thông tin |  |  | Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm dành cho Giáo viên | Giáo viên môn Tin học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân | 91   | 0 | 91   | Trúng tuyển             |
| 67 | Hoàng Quảng Bảo      | 25/8/1985  |            | Trung cấp chuyên nghiệp | Y sỹ đa khoa        |  |  |                                                          | Nhân viên Y tế        | Y sỹ hạng IV            | V.08.03.07 | Trường THCS Võ Văn Vân | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 68 | Phạm Thị Minh Hiếu   |            | 21/7/1991  | Trung cấp chuyên nghiệp | Y sỹ                |  |  |                                                          | Nhân viên Y tế        | Y sỹ hạng IV            | V.08.03.07 | Trường THCS Võ Văn Vân | 90   | 0 | 90   | Trúng tuyển             |
| 69 | Bùi Ánh Try          | 15/11/1976 |            | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 82   | 0 | 82   | Không trúng tuyển       |
| 70 | Lương Ngọc Quyền     | 21/07/1984 |            | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 70   | 0 | 70   | Không trúng tuyển       |
| 71 | Mai Đức Giang        | 02/10/1995 |            | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 84   | 0 | 84   | Không trúng tuyển       |
| 72 | Nguyễn Hữu Phong     | 22/05/1982 |            | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán        |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 83   | 0 | 83   | Không trúng tuyển       |
| 73 | Nguyễn Thị Mai       |            | 27/12/1997 | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 83   | 0 | 83   | Không trúng tuyển       |
| 74 | Nguyễn Thị Phước Trà |            | 16/03/1982 | Đại học                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 82   | 5 | 87   | Trúng tuyển             |
| 75 | Nguyễn Thị Thùy Dung |            | 25/01/1993 | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 69   | 0 | 69   | Không trúng tuyển       |
| 76 | Nguyễn Văn Quang     | 10/03/1986 |            | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 77 | Phan Văn Đức         | 26/10/1999 |            | Cử nhân                 | Sư Phạm Toán học    |  |  |                                                          | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen   | 86   | 0 | 86   | Trúng tuyển             |

|    |                        |            |            |         |                                            |  |  |                                                           |                         |                         |            |                      |      |   |      |                         |
|----|------------------------|------------|------------|---------|--------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|------------|----------------------|------|---|------|-------------------------|
| 78 | Nguyễn Hoàng Kim Khánh |            | 23/09/1995 | Cử nhân | Sư Phạm Toán học                           |  |  |                                                           | Giáo viên môn Toán      | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 81   | 0 | 81   | Không trúng tuyển       |
| 79 | Nguyễn Thị Dung        |            | 20/09/1997 | Cử nhân | Sư Phạm Toán học                           |  |  |                                                           | Giáo viên môn Toán      | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 80 | Nguyễn Duy Hải         | 29/09/1991 |            | Cử nhân | Ngôn Ngữ Anh                               |  |  | Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giáo viên Tiếng anh cấp THCS | Giáo viên môn Tiếng Anh | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 75   | 0 | 75   | Trúng tuyển             |
| 81 | Nguyễn Hoàng Ân        | 15/05/1996 |            | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh                          |  |  |                                                           | Giáo viên môn Tiếng Anh | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 69   | 0 | 69   | Trúng tuyển             |
| 82 | Trần Thị Thùy Dung     |            | 20/08/1997 | Cử nhân | Sư phạm Tiếng Anh                          |  |  |                                                           | Giáo viên môn Tiếng Anh | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 60   | 0 | 60   | Trúng tuyển             |
| 83 | Bùi Thị Thu Thủy       |            | 06/11/1976 | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn                            |  |  |                                                           | Giáo viên môn Ngữ Văn   | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 84 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền |            | 31/08/1985 | Thạc sĩ | Văn học Việt Nam ; Cử nhân Sư phạm Ngữ văn |  |  |                                                           | Giáo viên môn Ngữ Văn   | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 96   | 0 | 96   | Trúng tuyển             |
| 85 | Phạm Thị Chinh         |            | 18/02/1985 | Đại học | Sư phạm Ngữ văn                            |  |  |                                                           | Giáo viên môn Ngữ Văn   | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 87   | 0 | 87   | Trúng tuyển             |
| 86 | Nguyễn Thị Kim Anh     |            | 08/01/1990 | Cử nhân | Công nghệ thông tin                        |  |  | Chứng chỉ NVSP cho giáo viên Tin học cấp THCS             | Giáo viên môn Tin học   | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 68   | 0 | 68   | Trúng tuyển             |
| 87 | Đỗ Thị Thu Hoa         |            | 21/11/1995 | Cử nhân | Sư phạm Hoá học                            |  |  |                                                           | Giáo viên môn Hóa       | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 80   | 0 | 80   | Không trúng tuyển       |
| 88 | Hoàng Thị Tâm          |            | 25/10/1989 | Cử nhân | Sư phạm Hóa Học                            |  |  |                                                           | Giáo viên môn Hóa       | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 80   | 0 | 80   | Không trúng tuyển       |

|     |                        |            |            |         |                                                                 |  |  |  |                      |                         |            |                      |      |   |      |                         |
|-----|------------------------|------------|------------|---------|-----------------------------------------------------------------|--|--|--|----------------------|-------------------------|------------|----------------------|------|---|------|-------------------------|
| 89  | Lê Thị Thảo            |            | 10/06/1997 | Thạc sĩ | Hóa lý thuyết và Hóa lý; Cử nhân Sư phạm Hóa học                |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 90  | Đoàn Thị Ngọc          |            | 09/03/1981 | Đại học | Sư phạm Hoá học                                                 |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 81   | 0 | 81   | Không trúng tuyển       |
| 91  | Lê Văn Lâm             | 16/06/2000 |            | Cử nhân | Sư phạm Hoá học                                                 |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 92  | Đỗ Thị Thanh Tú        |            | 25/02/1998 | Cử nhân | Sư phạm Hóa học                                                 |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 80   | 0 | 80   | Không trúng tuyển       |
| 93  | Huỳnh Thị Thu Lợi      |            | 02/11/1996 | Cử nhân | Sư phạm Hóa học                                                 |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 94   | 0 | 94   | Trúng tuyển             |
| 94  | Nguyễn Thành Tâm       | 12/10/1999 |            | Cử nhân | Sư phạm Hóa học                                                 |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 84   | 0 | 84   | Không trúng tuyển       |
| 95  | Nguyễn Thị Phương Anh  |            | 24/02/1998 | Cử nhân | Sư phạm Hóa học                                                 |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 85   | 0 | 85   | Không trúng tuyển       |
| 96  | Phạm Thị Thanh Tuyền   |            | 12/05/1996 | Cử nhân | Sư phạm Hóa học                                                 |  |  |  | Giáo viên môn Hóa    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 86   | 0 | 86   | Không trúng tuyển       |
| 97  | Nguyễn Hoàng Quỳnh Như |            | 14/02/1998 | Cử nhân | Sư phạm Vật lý                                                  |  |  |  | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 78   | 0 | 78   | Không trúng tuyển       |
| 98  | Nguyễn Thị Phúc        |            | 01/02/1986 | Thạc sĩ | Vật lý nguyên tử, hạt nhân và năng lượng cao; Cử nhân SP Vật lý |  |  |  | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 74,5 | 0 | 74,5 | Không trúng tuyển       |
| 99  | Nguyễn Thị Vân         |            | 13/12/1997 | Cử nhân | Sư phạm Vật lý                                                  |  |  |  | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 83   | 0 | 83   | Trúng tuyển             |
| 100 | Phạm Cẩm Tú            |            | 13/05/1994 | Cử nhân | Sư phạm Vật lý                                                  |  |  |  | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen | 79   | 0 | 79   | Không trúng tuyển       |

|     |                      |            |            |          |                          |                    |                      |                                                      |                      |                         |            |                          |      |   |      |                         |
|-----|----------------------|------------|------------|----------|--------------------------|--------------------|----------------------|------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|------------|--------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 101 | Đào Thị Kim Hương    |            | 02/12/1993 | Cử nhân  | Sư phạm Vật lý           |                    |                      |                                                      | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | 72   | 0 | 72   | Không trúng tuyển       |
| 102 | Nguyễn Thái Học      | 17/07/1991 |            | Cử nhân  | Sư phạm Vật lý           |                    |                      |                                                      | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | 81   | 0 | 81   | Không trúng tuyển       |
| 103 | Nguyễn Thanh Ngân    |            | 30/11/1993 | Cử nhân  | Sư phạm Vật lý           |                    |                      |                                                      | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | 82   | 0 | 82   | Không trúng tuyển       |
| 104 | Nguyễn Thị Mỹ Anh    |            | 20/01/1993 | Cử nhân  | Vật lý                   |                    |                      | Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giáo viên KHTN cấp THCS | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | 71   | 0 | 71   | Không trúng tuyển       |
| 105 | Trần Đình Thiện      | 20/01/1982 |            | Đại học  | Sư phạm Vật lý           |                    |                      |                                                      | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 106 | Trần Ngọc Quang      | 29/11/1996 |            | Cử nhân  | Sư phạm Vật lý           |                    |                      |                                                      | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | 84,5 | 0 | 84,5 | Trúng tuyển             |
| 107 | Trần Thị Hồng Hải    |            | 05/02/1993 | Cử nhân  | Sư phạm Vật lý           |                    |                      |                                                      | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | 70   | 0 | 70   | Không trúng tuyển       |
| 108 | Đoàn Thị Phương Thảo |            | 12/08/1983 | Đại học  | Sư phạm Vật lý           |                    |                      |                                                      | Giáo viên môn Vật lý | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 109 | Nguyễn Thị Thanh     |            | 10/10/1993 | Cao đẳng | Khoa học Thư viện        | Tin học trình độ B | Tiếng anh trình độ B |                                                      | Nhân viên Thư viện   | Thư viện viên hạng IV   | V.10.02.07 | Trường THCS Đồng Đen     | 76   | 0 | 76   | Không trúng tuyển       |
| 110 | Phan Thị Phương      |            | 01/01/1985 | Cử nhân  | Thư viện - Thông tin học | Toeic 375          | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                                      | Nhân viên Thư viện   | Thư viện viên hạng IV   | V.10.02.07 | Trường THCS Đồng Đen     | 81   | 0 | 81   | Trúng tuyển             |
| 111 | Trần Thị Hiền Vy     |            | 17/12/1994 | Đại học  | Sư phạm Ngữ văn          |                    |                      |                                                      | Giáo viên Ngữ văn    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân | 90   | 0 | 90   | Trúng tuyển             |

|     |                      |            |            |         |                          |       |            |                                                                                 |                    |                         |            |                              |      |   |      |                         |
|-----|----------------------|------------|------------|---------|--------------------------|-------|------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|------------|------------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 112 | Lê Văn Hiền          | 19/07/1995 |            | Đại học | Sư phạm Ngữ văn          |       |            |                                                                                 | Giáo viên Ngữ văn  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân     | 47   | 0 | 47   | Không trúng tuyển       |
| 113 | Trần Thị Ngọc Hiền   |            | 07/03/2000 | Đại học | Sư phạm Mỹ thuật         |       |            |                                                                                 | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân     | 74   | 0 | 74   | Trúng tuyển             |
| 114 | Phan Thị Phương      |            | 01/01/1985 | Đại học | Thư viện - thông tin học | TOEIC | ỨDCNT T CB |                                                                                 | Nhân viên Thư viện | Thư viện viên hạng IV   | V.10.02.07 | Trường THCS Lê Minh Xuân     | 82.5 | 0 | 82.5 | Trúng tuyển             |
| 115 | Trương Quốc Tuấn     | 02/02/1987 |            | Cử nhân | Sư phạm Ngữ văn          |       |            |                                                                                 | Giáo viên Ngữ văn  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai     | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 116 | Trần Thị Hiếu        |            | 20/05/1985 | Cử nhân | Sư phạm Mỹ thuật         |       |            |                                                                                 | Giáo viên Mỹ thuật | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai     | 71   | 5 | 76   | Trúng tuyển             |
| 117 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết |            | 12/04/1984 | Cử nhân | Sư phạm Lịch sử          |       |            |                                                                                 | Giáo viên Lịch sử  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài          | 75.5 | 0 | 75.5 | Trúng tuyển             |
| 118 | Huỳnh Thị Mỹ Trinh   |            | 20/04/2000 | Cử nhân | Sư phạm Địa lý           |       |            |                                                                                 | Giáo viên Địa lý   | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài          | 86   | 0 | 86   | Trúng tuyển             |
| 119 | Hoàng Thị Tâm        |            | 25/10/1989 | Cử nhân | Sư phạm Hóa học          |       |            |                                                                                 | Giáo viên Hóa học  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài          | 68.5 | 0 | 68.5 | Không trúng tuyển       |
| 120 | Lại Thị Trân Trân    |            | 10/11/1997 | Cử nhân | Hóa học                  |       |            | Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Khoa học tự nhiên cấp Trung học cơ sở | Giáo viên Hóa học  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài          | 82.5 | 0 | 82.5 | Trúng tuyển             |
| 121 | Phan Thị Kim Dung    |            | 12/04/1999 | Cử nhân | Sư phạm Toán học         |       |            |                                                                                 | Giáo viên Toán     | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài          | 89   | 0 | 89   | Trúng tuyển             |
| 122 | Ngô Thanh Bình       | 13/07/1999 |            | Cử nhân | Sư phạm Toán học         |       |            |                                                                                 | Giáo viên môn Toán | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 71   | 0 | 71   | Trúng tuyển             |

|     |                      |            |            |                     |                                                           |  |  |  |                       |                         |            |                              |      |   |      |                         |
|-----|----------------------|------------|------------|---------------------|-----------------------------------------------------------|--|--|--|-----------------------|-------------------------|------------|------------------------------|------|---|------|-------------------------|
| 123 | Khương Thới Hoàn Duy | 30/07/1993 |            | Thạc sĩ;<br>Cử nhân | Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học; Sư phạm Toán học |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, Không trúng tuyển |
| 124 | Lê Nguyễn Trang Đài  |            | 20/01/1999 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học                                          |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 65   | 0 | 65   | Không trúng tuyển       |
| 125 | Trần Minh Đức        | 02/03/1992 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học                                          |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, Không trúng tuyển |
| 126 | Trần Thị Mai Linh    |            | 13/01/2000 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học                                          |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, Không trúng tuyển |
| 127 | Trần Hoàng Nghi      | 13/05/1992 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học                                          |  |  |  | Giáo viên môn Toán    | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 75.5 | 0 | 75.5 | Trúng tuyển             |
| 128 | Bùi Đình Thư         | 19/05/2000 |            | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn                                           |  |  |  | Giáo viên môn Ngữ văn | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 51.5 | 0 | 51.5 | Trúng tuyển             |
| 129 | Tô Thị Thu Thủy      |            | 27/08/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Địa lý                                            |  |  |  | Giáo viên môn Địa lý  | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, không trúng tuyển |
| 130 | Huỳnh Quốc Cường     | 27/05/1997 |            | Cử nhân             | Sư phạm Giáo dục thể chất                                 |  |  |  | Giáo viên môn Thể dục | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 45.5 | 0 | 45.5 | Không trúng tuyển       |
| 131 | Phan Đào Thanh Tỳ    | 05/09/1997 |            | Cử nhân             | Sư phạm Giáo dục thể chất                                 |  |  |  | Giáo viên môn Thể dục | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, Không trúng tuyển |
| 132 | Lưu Hồng             |            | 19/10/1999 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học                                           |  |  |  | Giáo viên môn Hóa học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 49.5 | 5 | 54.5 | Không trúng tuyển       |
| 133 | Hoàng Thị Tâm        |            | 25/10/1989 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học                                           |  |  |  | Giáo viên môn Hóa học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng | 0 | Vắng | Vắng, Không trúng tuyển |
| 134 | Lê Mỹ Lam Thuyên     |            | 27/07/1996 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học                                           |  |  |  | Giáo viên môn Hóa học | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 53   | 0 | 53   | Không trúng tuyển       |

|     |                      |            |            |           |                 |  |  |  |                               |                         |            |                              |       |   |       |                         |
|-----|----------------------|------------|------------|-----------|-----------------|--|--|--|-------------------------------|-------------------------|------------|------------------------------|-------|---|-------|-------------------------|
| 135 | Phạm Thị Hồng Tuyền  |            | 14/09/1999 | Cử nhân   | Sư phạm Hóa học |  |  |  | Giáo viên môn Hóa học         | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 74.5  | 0 | 74.5  | Trúng tuyển             |
| 136 | Phạm Thị Xuân        |            | 25/03/1995 | Cử nhân   | Sư phạm Hóa học |  |  |  | Giáo viên môn Hóa học         | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 51    | 0 | 51    | Không trúng tuyển       |
| 137 | Đỗ Nguyễn Thanh Tâm  | 13/01/1999 |            | Cử nhân   | Sư phạm Lịch sử |  |  |  | Giáo viên môn Lịch sử         | Giáo viên THCS hạng III | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng  | 0 | Vắng  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 138 | Đỗ Tuấn Kiệt         | 10/01/1987 |            | Cử nhân   | Tin học         |  |  |  | Nhân viên Công nghệ thông tin | Nhân viên               | 01.005     | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng  | 0 | Vắng  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 139 | Nguyễn Thị Minh Thủy |            | 02/01/1988 | Trung cấp | Y sĩ            |  |  |  | Nhân viên Y tế                | Y sĩ hạng IV            | V.08.03.07 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | 79.33 | 0 | 79.33 | Trúng tuyển             |

Danh sách có 139 người, trong đó:

- Trúng tuyển: 59 người;

- Không trúng tuyển: 80 người./.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
KHỐI THCS NĂM HỌC 2022 - 2023 (ĐỢT 2)